TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/DS-ST
Ngày: 29 – 11 – 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Phong.

2. Bà Phạm Thị Bích Ly.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST-DS, ngày 14 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Kim L**.

Địa chỉ: Đường V, phường B, quận K, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông **Nguyễn Văn B**; địa chỉ: Khu vực Y, Đường S, phường L, quận K, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Nguyễn Thị Kim Y**; địa chỉ: Đường L, phường K, quận K, thành phố Cần Thơ.

(Đại diện ủy quyền, theo giấy ủy quyền ngày 24 tháng 5 năm 2018).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh V**.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Tất cả đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2018 nguyên đơn là bà Phạm Thị Kim L trình bày:

Vào đầu năm 2018, ông Nguyễn Thanh V có mượn tiền của bà Phạm Thị Kim L, cụ thể: Vào ngày 26 tháng 3 năm 2018, mượn 25.000.000 đồng; vào ngày 17 tháng 4 năm 2018, mượn 70.000.000 đồng.

Sau nhiều lần bà L yêu cầu ông V trả tiền, nhưng ông V không trả, nên bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú giải quyết: Buộc ông V trả cho bà L số tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, từ ngày 18 tháng 5 năm 2018 đến ngày 25 tháng 5 năm 2018 là 182.191 đồng; tổng cộng là 95.182.191 đồng (bằng chữ: chín mươi lăm triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi một đồng) và trả lãi chậm thi hành án theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Kim Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Đối với bị đơn: Ông Nguyễn Thanh V đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng ông V đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả tiền còn nợ là không có cơ sở chấp nhận, vì chưa cung cấp đủ chứng cứ chứng minh người ký tên trong biên nhận đúng là chữ ký của ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền, do bị đơn có địa chỉ tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Các đương sự đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn là ông Nguyễn Thanh V vắng mặt không lý do; ông B, bà Y là người dại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền còn nợ, vì cho rằng bị đơn đã mượn của nguyên đơn tổng cộng là 95.000.000 đồng (bằng chữ: chín mươi lăm triệu đồng), trong đó: Vào ngày 26 tháng 3 năm 2018, mượn số tiền 25.000.000 đồng; vào ngày 17 tháng 4 năm 2018, mượn số tiền 70.000.000 đồng; đồng thời yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, từ ngày 18 tháng 5 năm 2018 đến ngày 25 tháng 5 năm 2018 là 182.191 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã đưa ra chứng cứ là Biên nhận đề ngày 17/4 (có dấu sửa chữa)/2018, người làm biên nhận ký và ghi họ tên Nguyễn Thanh V, (bản chính); Biên nhận đề ngày 26/3/2018, người nhận tiền ký và ghi họ tên Nguyễn Thanh V, (bản chính). Nhưng các biên nhận này đều không ghi Nguyễn Thanh V có địa chỉ ở đâu.

[2.2] Do ông V vắng mặt không tham gia tố tụng và Tòa án cũng không lấy lời khai được; không có đương sự nào yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của ông V, nên không đủ chứng cứ chứng minh người ký tên trong biên nhận này đúng là chữ ký của ông V, là bị đơn trong vụ án. Do đó, Tòa án đã giao Thông báo số 392/TB-TA ngày 09 tháng 9 năm 2019 yêu cầu bà L, ông B và bà Y cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh người ký nhận tiền trong các "Biên nhận" mà bên nguyên đơn cung cấp đúng là ông Nguyễn Thanh V, địa chỉ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nhưng bà L, ông B và bà Y không cung cấp được.

Theo khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định thì đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Bà L yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì bà phải có nghĩa vụ thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp, nhưng bà không cung cấp đủ chứng cứ chứng minh được ông V có nợ tiền của bà. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà là không đủ căn cứ chấp nhận, (khi nào bà cung cấp đủ chứng cứ chứng minh thì bà

có quyền khởi kiện lại vụ án), nên lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận, với số tiền như sau: 95.182.191 đồng x 5% = 4.759.109 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh V trả tiền vay là 95.182.191 đồng (bằng chữ: chín mươi lăm triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi một đồng), (trong đó gồm tiền vay vào ngày 26 tháng 3 năm 2018 là 25.000.000 đồng, vay vào ngày 17 tháng 4 năm 2018 là 70.000.000 đồng) và tiền lãi suất 182.191 đồng), do nguyên đơn chưa đủ chứng cứ chứng minh bị đơn nợ tiền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L phải chịu 4.759.109 đồng (bằng chữ: bốn triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, một trăm lẻ chín đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.380.000 đồng (bằng chữ: hai triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000050 ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Bà L còn phải nộp thêm số tiền (làm tròn số) là 2.379.000 đồng (bằng chữ: hai triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh